

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS - PT

Ngày: 16 - 10 - 2020

V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/SDPT ngày 17/7/2020 về việc: Tranh chấp lỗi đi, do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS- ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐ – PT ngày 29/7/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 140/QĐ- PT ngày 19/8/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 37/2020/QĐ- PT ngày 17/9/2020 giữa các đương sự:

- Các đồng nguyên đơn:

1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1963 (có mặt);
2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (là chồng bà Trương Thị T, có mặt);

- Các đồng bị đơn:

1. Ông Giáp Văn T, sinh năm 1952 (có mặt);
2. Ông Hồ Văn N, sinh năm 1967 (có mặt);

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953 (là vợ ông Giáp Văn T, có mặt);
2. Anh Giáp Văn T1, sinh năm 1985 (có mặt);
3. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1993 (vắng mặt);

4. Bà Tô Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt);
5. Anh Hồ Văn V, sinh năm 1989 (vắng mặt);
6. Anh Hồ Văn C, sinh năm 1991 (vắng mặt);
7. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Các đương sự đều cùng địa chỉ cư trú: Thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

8. UBND xã ND, do ông Nguyễn Văn V- chức vụ Công chức địa chính xã N D, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là đại diện theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 03/UBND- UQ ngày 03/9/2020 (vắng mặt);

9. UBND huyện L N, tỉnh Bắc Giang - Do ông Mai Văn D, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N, tỉnh Bắc Giang đại diện theo Giấy ủy quyền số 65/GUQ ngày 17/4/2020 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H trình bày: Gia đình ông bà được Nhà nước giao diện tích đất là 01 sào 10 thước ruộng cấy lúa từ năm 1990. Diện tích đất này thuộc xứ đồng Cây C, thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Thời gian năm 2013, do các hộ liền kề không có nhu cầu sử dụng đã chuyển nhượng lại cho gia đình nhà bà sử dụng toàn bộ diện tích đất này, tổng diện tích đất hiện nay gia đình bà sử dụng do các hộ chuyển nhượng lại là khoảng 01 mẫu. Trước khi các hộ chuyển nhượng cho gia đình ông bà thì các hộ cùng đi chung 01 lối mòn, lối đi này nằm dọc theo phần diện tích đất của gia đình ông Hồ Văn N và ông Giáp Văn T. Diện tích lối đi này là diện tích đất chung của tập thể không thuộc diện tích đất của hộ ông Giáp Văn T và hộ ông Hồ Văn N. Năm 2017 ông Hồ Văn N tiến hành xây tường vảnh lao dọc theo đất nhà ông Hồ Văn N và đã lấn chiếm phần diện tích đất lối đi gia đình bà xuống để canh tác, gia đình bà cũng đã có ý kiến với ông Hồ Văn N nhưng ông Hồ Văn N khẳng định không lấn chiếm. Cuối năm 2017 ông Giáp Văn T đã lấn chiếm diện tích đất còn lại và tiến hành rào hàng rào dây thép gai. Lúc này gia đình nhà ông bà không còn lối đi xuống để canh tác nữa, các con của ông bà đã tháo dỡ hàng rào để lấy lối đi xuống canh tác thì ngày hôm sau ông Giáp Văn T lại rào lại và xây tường cay không cho đi. Gia đình ông bà đã có đơn gửi UBND xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang để giải quyết, hòa giải nhưng không có kết quả. Ngoài lối đi này gia đình nhà ông bà không còn lối đi nào khác.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ ông Hồ Văn N phải trả lại và mở lối đi cho gia đình ông bà để có đường xuống canh tác chiều rộng của lối đi là 0,8m; hộ ông Giáp Văn T phải trả lại cho gia đình ông bà lối đi có chiều rộng là 1,2m tổng chiều dài của lối đi là 48m. Cụ thể hộ ông Hồ Văn N phải trả diện tích lối đi là 38,4m², hộ ông Giáp Văn T phải trả diện tích diện tích lối đi là 57,6m² là lối đi có từ trước. Tổng diện tích đất để làm lối đi là 96m².

Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2020 bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Hồ Văn N.

Bị đơn ông Hồ Văn N trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H. Ông được biết hiện nay bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có diện tích đất canh tác ở xứ đồng Cây C, thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc diện tích đất mà bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đang canh tác có do và nhận chuyển nhượng của khoảng 10 hộ dân. Từ trước đến nay chưa bao giờ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đi nhờ qua phần diện tích đất nhà ông để xuống phần diện tích đất nhà bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H. Việc bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H khởi kiện hộ gia đình nhà ông là sai vì gia đình nhà ông không có liên quan gì.

Bị đơn ông Giáp Văn T trình bày: Diện tích đất hiện nay gia đình bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đang canh tác thuộc xứ đồng Cây C, thôn Biêng, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc được nhà nước giao từ năm 1989. Diện tích đất này gia đình bà Trương Thị T ông Nguyễn Văn H đang canh tác trồng các loại cây ăn quả. Để đi xuống canh tác gia đình bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H không có lối đi xuống, có đi nhờ qua diện tích đất ở các hộ xung quanh. Từ đầu năm 2016 bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có hỏi ý kiến gia đình nhà ông cho đi nhờ qua phần diện tích đất vườn của hộ gia đình nhà ông và có nói với ông để sau này sẽ tìm một lối đi khác sau. Nguồn gốc diện tích đất mà bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đang canh tác là do bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có nhận chuyển nhượng lại của nhiều hộ khoảng 10 hộ dân. Trước khi các hộ này chuyển nhượng cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H thì các hộ này không có lối đi cố định mà đi nhờ trên phần diện tích đất của các hộ xung quanh liền kề. Để xuống diện tích đất này canh tác có 01 lối đi chung, lâu đời qua phần diện tích đất nhà anh Đặng Văn Giáp. Do lối đi qua phần diện tích đất của anh Đặng Văn G không được thuận tiện cho nên các hộ cũng đã đi nhờ qua diện tích đất của các hộ xung quanh để thuận tiện hơn, diện tích lối đi

chung này hiện nay gia đình nhà anh Đặng Văn G đang sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2017 do nhu cầu sử dụng đất gia đình ông không đồng ý để gia đình bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H sử dụng diện tích đất nhà ông mà trước đây cho đi nhờ. Hiện nay phần diện tích đất trước đây mà ông cho hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đi nhờ, ông đã xây tường rào chắn cay nên hộ gia đình bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H không còn lối đi nữa. Bà Trương Thị T có sang gia đình nhà ông hỏi mua phần diện tích đất này để làm đường đi, nhưng ông không bán cũng không đổi cho nên 02 bên đã xảy ra tranh chấp. UBND xã ND cũng đã nhiều lần hòa giải với nội dung đề nghị gia đình ông chuyển nhượng cho hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H một phần diện tích đất để làm lối đi nhưng gia đình ông không đồng ý.

Hiện nay phần diện tích đất trước đây ông cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đi nhờ ông đã làm 01 hàng rào sắt, cổng sắt lưới mắt cáo trên phần diện tích đất mà trước đây ông Nguyễn Văn V và ông đã đổi cho nhau. Theo ông để thuận tiện cho việc đi lại xuống canh tác của hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H thì bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đi lối đi trước đây qua phần diện tích đất nhà ông Nguyễn Văn V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L, trình bày: Bà xác định phần diện tích đất bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đang khởi kiện đòi lối đi là diện tích đất mà gia đình bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không đồng ý cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H mở lối đi qua phần diện tích đất mà hộ gia đình nhà bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Tô Thị T trình bày: Bà là vợ ông Hồ Văn N, bà có biết hiện nay hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có diện tích đất canh tác khoảng hơn 01 sào, địa chỉ thửa đất ở xứ đồng Cây C, thôn Biêng, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang ruộng đang canh tác của gia đình bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H liền kề với diện tích đất nhà bà. Nguồn gốc diện tích đất này gia đình bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của nhiều hộ gia đình. Trước khi các hộ chuyển nhượng lại cho gia đình bà Trương Thị T ông Hào, để đi xuống canh tác các hộ không có lối đi chính xuống mà đi theo bờ từ đường cái đi xuống, tiện ruộng của nhà ai thì đi xuống. Việc bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu gia đình bà phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm đường đi chung là không đúng. Thời gian khoảng 03 năm trước gia đình bà Trương Thị

T có sang gia đình bà hỏi mua một phần diện tích đất để làm đường đi chiều rộng khảng hơn 01m, chiều dài khoảng 04m, nhưng vẫn không đi được xuống diện tích đất mà hộ gia đình nhà bà Trương Thị T đang canh tác.

UBND xã N D, do ông Nguyễn Văn V là công chức địa chính xã đại diện theo ủy quyền trình bày: Hiện nay, hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đang canh tác trồng các loại cây ăn quả trên diện tích đất 4072,4m², địa chỉ thửa đất ở xứ đồng Cây C, thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất này hộ bà Nguyễn Thị Tuấn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong sổ mục kê và bản đồ địa chính của địa phương thửa đất này mang tên hộ ông Nguyễn Văn H. Nguồn gốc diện tích đất này là do bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H được Nhà nước giao ruộng thời gian từ những năm 1990 đến năm 1993 cùng các hộ khác trong thôn. Sau đó do bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn H có đổi và nhận chuyển nhượng lại của các hộ mà cũng được giao cùng thời điểm tại xứ đồng Cây C, thôn Biêng, xã N D. Hiện nay diện tích đất mà gia đình nhà bà Trương Thị T đang sử dụng đã đổi và nhận chuyển nhượng lại của các hộ sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Trước khi gia đình nhà bà Trương Thị T nhận chuyển nhượng và đổi của các hộ, lối đi chung không có mà do các hộ tự đi men theo bờ ruộng ranh giới giữa các thửa đất của các hộ liền kề, tiện hộ nào thì hộ đó xuống canh tác chỗ đó một phần có đi nhờ trên phần diện tích đất vườn nhà ông Giáp Văn T. Khi gia đình bà Trương Thị T sử dụng diện tích đất này, bà Trương Thị T có đi nhờ qua phần diện tích đất vườn nhà ông Giáp Văn T, ngoài lối đi nhờ diện tích đất nhà ông Giáp Văn T gia đình bà Trương Thị T cũng có thể đi qua các phần diện tích đất vườn của các hộ khác, nhưng đoạn đường dài hơn và không thuận tiện cho việc đi lại.

Hiện nay, ngoài lối đi nhờ qua diện tích đất nhà ông Giáp Văn T thì gia đình nhà bà Trương Thị T không còn lối đi nào thuận tiện hơn nữa. Phần diện tích đất mà để gia đình bà Trương Thị T đi thuộc diện tích đất hộ ông Giáp Văn T diện tích đất này hộ ông Giáp Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do công việc bận, ông xin vắng mặt trong tất cả các lần mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Giáp Văn Têm, trình bày: Anh là con ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L. Diện tích đất hiện nay mà gia đình anh đang canh tác cũng không có đường vào, gia đình anh đã phải đổi một phần diện tích đất cho hộ ông Nguyễn Văn V ở

cùng thôn để có lối đi vào canh tác. Diện tích đất hiện nay hộ bà Trương Thị T yêu cầu gia đình anh phải mở lối đi vào, diện tích đất này gia đình anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh cùng với ý kiến của bố mẹ anh, không đồng ý mở lối đi cho hộ gia đình bà Trương Thị T.

Chị Phạm Thị V trình bày: Chị là con dâu ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L. Hiện nay, gia đình bà Trương Thị T đang yêu cầu gia đình nhà chị mở lối đi qua phần diện tích đất vườn nhà chị, chị cùng với ý kiến của ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L chị không đồng ý. Phần diện tích đất mà gia đình bà Trương Thị T đang yêu cầu mở lối đi gia đình nhà chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Năm 1997 ông và ông Giáp Văn T có thỏa thuận việc hoán đổi diện tích đất khoảng 03 thước để hộ ông Giáp Văn T sử dụng làm lối đi vào diện tích bãi canh tác nhà ông Giáp Văn T mà hiện nay ông Giáp Văn T đang canh tác. Việc đổi đã xong, ông không có yêu cầu gì. Ông từ chối tham gia tố tụng đề nghị Tòa án không triệu tập ông.

Tại biên bản thẩm định ngày 11/11/2019, đã xác định: Diện tích đất để mở lối đi cụ thể: Hướng bắc giáp đất ông Nguyễn Văn V chiều dài 19,3m (Đoạn 1), giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Thi có chiều dài 29m (Đoạn 2); hướng nam giáp đất ông Hồ Văn N có chiều dài 47,4m; hướng tây có chiều rộng 1,5m kéo dọc đến hết đất nhà ông Giáp Văn T; hướng đông xuống đất vườn nhà ông Nguyễn Văn H bà Trương Thị T có chiều rộng là 1,5m. Lối xuống đất vườn hộ ông Nguyễn Văn H có 01 bức tường xây gạch bê tông do ông Giáp Văn T xây bịt lối đi từ năm 2017, bức tường ông Giáp Văn T xây có số đo chiều dài 2,9m cao 1,45m có diện tích là 4,2m². Trên diện tích đất mở lối đi có 03 cây vải thiều (01 cây có đường kính tán là 3,5m; 01 cây đường kính tán là 2,5m; 01 cây có đường kính tán 1,5m); 01 cổng sắt đan lưới mắt cáo. Tổng diện tích đất làm lối đi là 97,9m².

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 11/11/2019 đã xác định:

Diện tích đất làm lối đi là 97,9m² x 280.000 đồng/ m² = 27.412.000 đồng.

Các tài sản trên đất gồm:

- Bức tường ông Giáp Văn T xây 4,2m² x 240.000 đồng = 1.008.000 đồng;

- 03 cây vải thiều 1.375.500 đồng.

Cổng sắt đan lưới mắt cáo: Hội đồng định giá không định giá.

Tổng tài sản trên đất và đất là: 2.383.500 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 05/2020/DS- ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 245; Điều 254 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 170; Điều 171 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T. Buộc ông Giáp Văn T phải mở lối đi cho ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T lối đi để ông Hào, bà Trương Thị T xuống canh tác tích đất 4072,4m²; địa chỉ thửa đất ở xứ đồng Cây C, thôn Biềng, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang của hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T.

Diện tích đất mở lối đi được chia làm 02 phần, gồm:

Diện tích đất 54,3m² là lối đi chung của hộ ông Giáp Văn T và hộ ông Nguyễn Văn H và diện tích đất 43,6m² là lối đi của hộ ông Nguyễn Văn H nằm trong diện tích đất hộ ông Giáp Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 31, thửa số 627; Sổ sổ phát hành CM 003683; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02602 do UBND huyện L N, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/10/2017.

Buộc ông Giáp Văn T phải di dời tài sản trên đất để mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T là 03 cây vải thiều (01 cây có đường kính tán là 3,5m; 01 cây đường kính tán là 2,5m; 01 cây có đường kính tán 1,5m). Buộc ông Giáp Văn T phải tháo dỡ 01 bức tường vảnh lao do ông Giáp Văn T xây có diện tích là 4,2m², bức tường này do ông Giáp Văn T xây năm 2017 nằm ở cuối lối đi thông sang phần diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T. Buộc ông Giáp Văn T tháo dỡ 01 cổng sắt đan lưới mắt cáo để có lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn H đi vào phần diện tích đất mở lối đi.

Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T phải đền bù cho ông Giáp Văn T, tổng giá trị tài sản là 22.193.500 đồng.

Ông Giáp Văn T không được gây cản trở việc đi lại đối với hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T (*Có sơ đồ mở lối đi kèm theo*).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Hồ Văn N phải mở lối đi.

Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận ông Hào, bà Trương Thị T đã nộp đủ.

Án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.109.675 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005085 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là 609.675 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/ năm; nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Do ông Giáp Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang giao bản án sơ thẩm cho ông Giáp Văn T. Ngày 01/6/2020, ông Giáp Văn T kháng cáo.

Nội dung kháng cáo:

- Ông Giáp Văn T không nhận được thông báo mở phiên tòa ngày 13, 14 tháng 5 năm 2020 nhưng Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang vẫn xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, ông Giáp Văn T không thay đổi kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Giáp Văn T trình bày: Gia đình bà Trương Thị T canh tác thửa ruộng số 644 thuộc xứ đồng Cây C, để đi vào thửa ruộng của gia đình bà Trương Thị T có một lối đi được hình thành từ khoảng năm 1960 để đi thông ra đường 289, tuy nhiên lối đi này đã bị các hộ dân hai bên lấn chiếm, đến nay không còn xác định được hiện trạng trên thực địa, còn lối đi để vào thửa ruộng số 627 của gia đình ông không phải là lối đi có sẵn mà để có lối đi này gia đình ông phải đổi cho gia đình ông Nguyễn Văn V để lấy một phần đất thuộc thửa đất số 626 của và gia đình ông Nguyễn Văn V và đổi cho gia đình ông Hồ Văn N để lấy một phần đất thuộc thửa số 643 của gia đình ông Hồ Văn N, việc đổi đất cho gia đình ông Nguyễn Văn V và gia đình ông Hồ Văn N chỉ là thỏa thuận miệng nhưng các bên

đã tự nguyện thực hiện, không tranh chấp. Như vậy lối đi bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải mở là lối đi riêng của gia đình ông. Ông không đồng ý mở lối đi cho gia đình bà Trương Thị T, không đồng bán, nhượng đất. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L N đã xét xử vắng mặt ông mà không báo cho ông biết để ông đến dự phiên tòa sơ thẩm. Bản án sơ thẩm quyết định: Buộc gia đình ông phải mở lối đi cho bà Trương Thị T là không khách quan, ông không đồng ý mở lối đi cho gia đình bà Trương Thị T, trường hợp gia đình bà Trương Thị T có nhu cầu mở lối đi thì phải khởi kiện để yêu cầu mở lối đi cũ có từ năm 1960 để đi thông ra đường 289. Hiện tại trên diện tích lối đi 97,9m² bà Trương Thị T yêu cầu ông phải mở có 03 cây vải thiều, 01 bức tường vảnh lao, 01 cổng kẽm hàn lưới mắt cáo. Diện tích đất, 03 cây vải thiều, bức tường vảnh lao đã được định giá, cổng sắt gia đình ông làm năm 2017 hết 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

Bà Trương Thị T trình bày: Gia đình bà đang canh tác thửa ruộng số 644 tờ bản đồ số 31 tại thôn Biềng, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang, để đi vào canh tác gia đình bà đi nhờ qua lối đi thuộc thửa đất số 627 của gia đình ông Giáp Văn T nhưng ông Giáp Văn T đã làm cổng sắt, xây tường vảnh lao bít lối đi, bà yêu cầu ông Giáp Văn T mở lối đi, bà đồng ý nhận tài sản là 03 cây vải thiều, cổng sắt, tường vảnh lao và đền bù cho gia đình ông Giáp Văn T giá trị tài sản bằng tiền. Cổng sắt gia đình ông Giáp Văn T đã làm, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm không định giá, tại phiên tòa phúc thẩm ông Giáp Văn T đưa ra giá 900.000 đồng, bà đồng ý đền bù bổ sung cho ông Giáp Văn T giá trị cổng sắt mức giá 900.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông đồng ý với lời khai của bà Trương Thị T, ông không có ý kiến thay đổi, bổ sung đối với ý kiến của bà Trương Thị T.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu gia đình bà mở lối đi bà không đồng ý, tài sản trên lối đi thuộc đất của gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không đồng ý giao cho gia đình bà Trương Thị T tài sản trên đất để nhận đền bù bằng tiền.

Anh Giáp Văn Têm trình bày: Bà Trương Thị T khởi kiện và tố cáo gia đình anh lấn chiếm lối đi, đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ gia đình anh có lấn chiếm lối đi của gia đình bà Trương Thị T hay không.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Gia đình ông có đổi một phần đất của thửa ruộng số 626, tờ bản đồ số 31 cho gia đình ông Giáp Văn T để gia đình ông Giáp Văn T sử dụng làm lối đi, việc đổi đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng, chưa làm thủ tục

chuyển đổi theo quy định của pháp luật nhưng các bên đã tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp, ông đồng ý để gia đình ông Giáp Văn T tiếp tục sử dụng phần đất đã đổi cho gia đình ông làm lối đi. Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang xét xử buộc ông Giáp Văn T phải mở lối đi cho gia đình bà Trương Thị T đúng vào phần đất ông đã đổi cho ông Giáp Văn T, ông không có tranh chấp gì về diện tích lối đi đã đổi cho ông Giáp Văn T.

Ông Hồ Văn N trình bày: Gia đình ông có đổi một phần đất của thửa ruộng số 643, tờ bản đồ số 31 cho gia đình ông Giáp Văn T để gia đình ông Giáp Văn T sử dụng làm lối đi, việc đổi đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng, chưa làm thủ tục chuyển đổi theo quy định của pháp luật nhưng các bên đã tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp, ông đồng ý để gia đình ông Giáp Văn T tiếp tục sử dụng phần đất đã đổi cho gia đình ông làm lối đi. Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang xét xử buộc ông Giáp Văn T phải mở lối đi cho gia đình bà Trương Thị T đúng vào phần đất ông đã đổi cho ông Giáp Văn T, ông không có tranh chấp gì về diện tích lối đi đã đổi cho ông Giáp Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/9/2020, ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị L khai trên lối đi có 06 cây vải thiều, nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên có 03 cây là không đúng, ông Giáp Văn T đề nghị tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại diện tích lối đi để xác định chính xác tài sản của ông trên đất lối đi.

Ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được: Tổng diện tích đất làm lối đi là 97,9m². Trên diện tích đất mở lối đi có 03 cây vải thiều (01 cây có đường kính tán là 3,5m; 01 cây đường kính tán là 2,5m; 01 cây có đường kính tán 1,5m), 01 cổng sắt đan lưới mắt cáo, 01 bức tường vành lao (ông Giáp Văn T bịt lối đi xuống thửa ruộng số 644 của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H bằng cổng sắt và bức tường vành lao). Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án phúc thẩm phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2019 của Tòa án sơ thẩm.

Ngoài ra, theo yêu cầu của ông Giáp Văn T, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã được ông Giáp Văn T trực tiếp chỉ dẫn để xem xét lối đi cũ theo ông Giáp Văn T trình bày thì lối đi này có từ năm 1960 để đi từ thửa đất số 644 thông ra đường 289. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được: Lối đi cũ từ năm 1960 hiện nay không còn, không xác định được trên thực địa, vì lý do các hộ dân canh tác liền kề lối đi đã lấn chiếm sử dụng hết nên không xác định được nguyên trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Giáp Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Buộc ông Giáp Văn T phải mở lối đi cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H; giao cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H được sở hữu tài sản trên lối đi là 03 cây vải thiều, 01 cổng sắt, 4,2m² tường vảnh lao. Bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H phải đền bù cho ông Giáp Văn T giá trị quyền sử dụng đất của lối đi và giá trị tài sản bằng tiền.

Ông Giáp Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Chị Phạm Thị V, bà Tô Thị T, anh Hồ Văn V, anh Hồ Văn C, ông Nguyễn Văn V đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang, ông Mai Văn D, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên không có liên quan đến kháng cáo, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 294, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Giáp Văn T về việc Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho ông biết về thời gian mở phiên tòa ngày 13/5/2020 và ngày 14/5/2020. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 17/01/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST-DS để mở phiên tòa xét xử vụ án vào 09 giờ ngày 14/02/2020 (bút lục số 228^A). Ngày 21/01/2020, Tòa án nhân dân huyện L N,

tỉnh Bắc Giang đã gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Giáp Văn T bằng bưu phẩm bảo đảm số RF 231061800 VN (bút lục số 157).

Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa để xét xử vụ án theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST- DS. Tại phiên tòa ngày 14/02/2020 ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L đều có mặt; vì lý do phiên tòa ngày 14/02/2020 ông Hồ Văn N và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST – DS và ấn định thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án vào 07 giờ 30 phút ngày 28/02/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST – DS đã được giao cho ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị L (bút lục số 160, 161^o).

Ngày 28/02/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa để xét xử vụ án lần thứ hai, tại phiên tòa ngày 28/02/2020 ông Giáp Văn T có mặt nhưng do nguyên đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm ra quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST – DS hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 18/3/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST – DS đã được giao cho ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L vào ngày 09/3/2020 (bút lục số 176, 177).

Ngày 18/3/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa để xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H, bị đơn là ông Giáp Văn T, ông Hồ Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L đều có mặt tại phiên tòa. Do tại phiên tòa ngày 18/3/2020 cần thu thập bổ sung chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2020/QĐST – DS và ấn định thời gian tiếp tục tiến hành phiên tòa vào 07 giờ 30 phút ngày 10/4/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa được Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên tòa. Ngày 20/3/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang gửi quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2020/QĐST – DS bằng bưu phẩm bảo đảm số RE 238122835 VN (bút lục số 188). Do phiên tòa ngày 10/4/2020 không tiến hành trở lại, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã có văn bản thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB- TA ngày 31/3/2020 và văn bản thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 21/4/2020 thông báo cho các đương sự thời gian tiếp tục tiến hành phiên tòa vào 07 giờ 30 phút ngày 13/5/2020. Ngày 22/4/2020, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã tổng đạt trực tiếp văn bản thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 21/4/2020 cho ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị L nhưng ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L không nhận văn bản do Tòa án giao, việc ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L từ chối nhận

văn bản thông báo của Tòa án được lập biên bản có xác nhận của đại diện thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L đúng quy định tại Điều 170, Điều 171, Điều 172, Điều 173, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 13 và ngày 14/5/2020, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Giáp Văn T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Giáp Văn T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T đang sử dụng canh tác diện tích đất 4072,4m² tại thửa đất số 644, tờ bản đồ số 31, địa chỉ thửa đất ở xứ đồng Cây C, thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất này hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bản đồ địa chính của địa phương thửa đất này mang tên hộ ông Nguyễn Văn H. Nguồn gốc diện tích đất này của hộ ông Nguyễn Văn H bà Trương Thị T là do bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H được Nhà nước giao đất ruộng từ những năm 1990 đến năm 1993 cùng các hộ khác trong thôn. Sau đó do bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn H có đổi và nhận chuyển nhượng lại của các hộ được giao cùng thời điểm tại xứ đồng Cây C, thôn Biêng, xã N D. Hiện nay diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T đang sử dụng đã đổi và nhận chuyển nhượng lại của các sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Lối đi xuống để hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T canh tác trên diện tích đất này: Thời gian từ năm 1990 đến năm 1993 hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T cùng một số các hộ khác trong thôn được Nhà nước giao đất để canh tác. Trước khi các hộ cùng được giao đất như hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H thì việc đi lại của các hộ cùng được giao đất với hộ bà Trương Thị T, không có lối đi chung cụ thể xuống thửa đất thuộc xứ đồng Cây C, thôn B, xã N D. Việc phân định ranh giới giữa các thửa đất liền kề của các hộ được ngăn cách bằng việc đắp các bờ đất nhỏ. Lối đi để các hộ xuống canh tác, là do các hộ đã đi men theo các bờ đất nhỏ đắp phân định ranh giới giữa các thửa đất.

Do không có nhu cầu sử dụng, các hộ đã lần lượt chuyển nhượng lại cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T toàn bộ diện tích của mình. Khi hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất của các hộ ở xứ đồng Cây C này thì bờ ruộng phân định ranh giới giữa các hộ đã chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn H không còn. Sau khi nhận

chuyển nhượng lại diện tích đất của các hộ có diện tích đất được nhà nước giao ở xứ đồng Cây C, thôn Biêng, xã N D thì hộ ông Nguyễn Văn H không có lỗi đi để canh tác mà phải đi nhờ qua thửa 626 của ông Nguyễn Văn V, thửa 643 của ông Hồ Văn N nhưng do ông Nguyễn Văn V, ông Hồ Văn N đã đổi một phần đất cho ông Giáp Văn T nên lỗi đi thuộc quyền sử dụng của ông Giáp Văn T.

Ông Giáp Văn T thừa nhận, để đi xuống canh tác tại thửa đất số 644 thì trước đây có một lối đi hình thành từ khoảng năm 1960 thông từ đường 289 vào nhưng lối đi cũ đã bị các hộ dân liền kề lấn chiếm hết, không xác định được nguyên trạng. Từ đầu năm 2016 bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có hỏi ý kiến gia đình ông Giáp Văn T cho đi nhờ qua phần diện tích đất vườn của gia đình ông và có nói với ông để sau này sẽ tìm một lối đi khác sau. Đến năm 2017, ông Giáp Văn T không đồng ý cho bà Trương Thị T đi nhờ qua phần diện tích đất của gia đình ông nên ông Giáp Văn T đã tiến hành xây tường vành lao, cổng sắt be bít không cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T lối đi qua để dẫn vào thửa ruộng của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H canh tác.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử thấy: Hiện hộ ông Nguyễn Văn H không có lối đi để vào canh tác thửa ruộng số 644 tờ bản đồ số 31, sau khi ông Giáp Văn T chặn lối đi nhờ. Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự, xét thấy, cần phải mở 01 lối đi thuận lợi nhất cho hộ bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H làm lối đi xuống canh tác. Việc mở lối đi thuận tiện, hợp lý nhất là đi qua phần diện tích của hộ gia đình ông Giáp Văn T, phần diện tích đất này hộ gia đình ông Giáp Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CM 003683, vào sổ cấp số CH 02602, Quyết định cấp số 1426/QĐ- UBND, do UBND huyện L N cấp ngày 20/10/2017, vì vậy bản án sơ thẩm buộc ông Giáp Văn T, phải mở lối đi cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H và buộc bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H phải đền bù cho ông Giáp Văn T một khoản tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng, quyền sử dụng thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L nên cần buộc cả ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm mở lối đi cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm đền bù cho ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 213, Điều 254 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì lối đi gồm gồm 02 phần cụ thể là: Phần diện tích đất $54,3\text{m}^2$ (là đường gấp khúc của các điểm ABCGH trên sơ đồ kèm theo bản án), diện tích đất này vào thời gian năm 1997, ông Giáp Văn T có đổi cho ông Nguyễn Văn V làm lối đi vào diện tích đất nhà ông Giáp Văn T, hiện nay diện tích đất này ông Giáp Văn T vẫn đang sử dụng để làm lối đi vào phần diện tích đất của hộ gia đình ông để canh tác. Kết quả định giá tài sản xác định: Diện tích đất $54,3\text{m}^2 \times 280.000 \text{ đồng/m}^2 = 15.204.000 \text{ đồng}$. Để có lối đi vào canh tác đối với thửa đất số 627 tờ bản đồ số 31 của hộ ông Giáp Văn T thì ông Giáp Văn T và hộ ông Nguyễn Văn H đều phải đi qua phần diện tích đất này, đây là lối đi chung cho cả hai hộ, nhưng do diện tích đất này ông Giáp Văn T đã đổi cho ông Nguyễn Văn V hiện nay hộ ông Giáp Văn T đang sử dụng nên thuộc quyền sử dụng của hộ ông Giáp Văn T. Do giữa hộ ông Nguyễn Văn H và hộ ông Giáp Văn T cùng sử dụng làm lối đi chung nhưng không thỏa thuận được căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự thì hộ ông Nguyễn Văn H được hưởng quyền lối đi qua nên cần phải đền bù cho ông Giáp Văn T $1/2$ trị giá diện tích là $15.204.000 \text{ đồng} : 2 = 7.602.000 \text{ đồng}$.

Đối với phần diện tích đất còn lại để làm lối đi có diện tích $43,6\text{m}^2$ (là đường gấp khúc gồm các điểm BDEFG trên sơ đồ kèm theo bản án) diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của hộ ông Giáp Văn T, hộ ông Giáp Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá cũng như sơ đồ thửa đất này thì giá trị của thửa đất này có diện tích là $43,6\text{m}^2 \times 280.000 \text{ đồng/m}^2 = 12.208.000 \text{ đồng}$. Đối với phần diện tích đất làm lối đi này thì hộ ông Nguyễn Văn H phải đền bù cho hộ ông Giáp Văn T toàn bộ.

[2.3] Các tài sản trên đất lối đi gồm: 01 cổng sắt đan lưới mắt cáo, bức tường vành lao do ông Giáp Văn T xây có diện tích là $4,2\text{m}^2 \times 240.000 \text{ đồng} = 1.008.000 \text{ đồng}$; 03 cây vải thiều 1.375.500 đồng. Tổng tài sản trên đất và đất là: 2.383.500 đồng. Bản án sơ thẩm buộc ông Giáp Văn T phải tháo dỡ cổng sắt, di dời cây trồng, tháo dỡ bức tường vành lao và buộc ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T phải bồi thường cho ông Giáp Văn T giá trị tài sản bằng tiền. Hội đồng xét xử thấy: Trước khi ông Giáp Văn T không cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đi nhờ qua đất của mình thì 03 cây vải thiều trên lối đi đã được gia đình ông Giáp Văn T trồng từ trước, năm 2017 ông Giáp Văn T xây tường vành lao, làm cổng sắt trên phần đất ông đã được sử dụng hợp pháp nên cần xác định những tài sản là cây trồng, tường vành lao, cổng sắt trên diện tích đất lối đi là tài sản hợp pháp của gia đình ông Giáp Văn T, cần được bảo vệ, tuy nhiên việc

ông Giáp Văn T xây tường, làm công sắt dẫn đến bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H không có đường vào canh tác thửa ruộng của mình, bản án sơ thẩm quyết định cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H được hưởng quyền lối đi qua nhưng lại buộc ông Giáp Văn T phải tháo dỡ, di dời tài sản là không bảo tồn duy trì được tài sản hợp pháp của ông Giáp Văn T, chính vì vậy cần giao toàn bộ tài sản trên lối đi cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H phải đền bù cho ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L giá trị tài sản bằng tiền, như vậy vừa bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L, vừa bảo đảm được sự duy trì bảo tồn tài sản tồn tại cố định trên lối đi.

Như vậy, để có lối đi xuống canh tác diện tích đất 4072,4m², địa chỉ thửa đất ở xứ đồng Cây C, thôn Biêng, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang của hộ ông Nguyễn Văn H, thì hộ ông Nguyễn Văn H phải đền bù cho hộ ông Giáp Văn T số tiền giá trị quyền sử dụng đất 12.208.000 đồng + 7.602.000đồng; Giá trị tài sản trên đất: 3.283.500 đồng. Tổng cộng bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H phải đền bù cho ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L 23.093.500đ (hai mươi ba triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Từ nhận định trên, hội đồng xét xử thấy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông Giáp Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 05/2020/DS - ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H. Mặc dù bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H thuộc trường hợp không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn H là bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuy nhiên ông Giáp Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bản án sơ thẩm buộc bà Trương Thị T ông Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là không phù hợp với quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Các đương sự không có kháng cáo về nội dung này, nhưng Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Giáp Văn T, bà

Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/9/2020, ông Giáp Văn T cho rằng, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng, ông yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ lại, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án phúc thẩm phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án sơ thẩm. Ngoài ra, ngày 30/9/2020, ông Giáp Văn T còn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung lối đi cũ từ đường 289 vào thửa đất số 644 của ông Nguyễn Văn H, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của ông Giáp Văn T. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/9/2020 hết 1.500.000đồng, số tiền này do bà Trương Thị T đã nộp tạm ứng. Vì vậy ông Giáp Văn T phải chịu 1.500.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/9/2020 để trả lại cho bà Trương Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 6 Điều 313; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Giáp Văn T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 2 khoản 3 Điều 228; Điều 294; Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 212; khoản 2 Điều 213; Điều 245; Điều 246; Điều 247; Điều 248; Điều 254; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 95; Điều 166; Điều 167; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 169; khoản 1, khoản 2 Điều 170; Điều 171, Điều 190; Điều 202; 203 của Luật đất đai. Điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T. Buộc ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L phải mở lối đi cho ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T xuống canh tác thửa đất số 644 tờ bản đồ số 31, địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã ND, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Lối đi ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L phải mở cho bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H có hình đa giác được xác định bằng các điểm ABCDEFGH diện tích $97,9m^2$ có số đo cụ thể như sau: Từ điểm A đến điểm B: 19,3m; từ điểm B đến điểm C: 2,2m; từ điểm C đến điểm D: 29,0m; từ điểm D đến điểm E: 1,5m; từ điểm E đến điểm F: 2,9m; từ điểm F đến điểm G: 26,2m; từ điểm G đến điểm C: 1,5m; từ điểm G đến điểm H: 19,3m; từ điểm H đến điểm A: 2,3m (diện tích lối đi, số đo, tọa độ các điểm ABCDEFGH được xác định theo sơ đồ đo đạc chính lý thửa đất kèm theo bản án). Không ai được gây cản trở việc đi lại qua lối đi do ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L mở cho ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T.

Giao cho ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T được sở hữu toàn bộ tài sản đang tồn tại trên lối đi do ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L phải mở gồm có: 03 cây vải thiều; 01 bức tường vành lao diện tích $4,2m^2$; 01 cổng sắt đan lưới mắt cáo.

Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T phải đền bù cho ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L 23.093.500đồng (hai mươi ba triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền tài sản của ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L trên lối đi. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Hồ Văn N phải mở lối đi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Thị T, ông Nguyễn Văn H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005085 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Giáp Văn T, bà Nguyễn Thị L.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T đã nộp đủ. Ông Giáp Văn T phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thu của ông Giáp Văn T được hoàn trả cho bà Trương Thị T.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án ND huyện L N;
- Chi cục THADS huyện L N;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo